Ngày soạn: 30 /1 /2024

Ngày dạy: 15 / 2 /2024

**BÀI 31: ĐỘNG VẬT**

Thời gian thực hiện: 5 tiết (T40-43,45)

**I. Mục tiêu:**

**1. Về kiến thức:**

- Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và động vật có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa.

- Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống trong tự nhiên: Ruột khoang, Giun, Thân mềm, Chân Khớp. Gọi được tên một số đại diện điển hình.

- Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống trong tự nhiên: Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú (động vật có vú). Gọi được tên một số đại diện điển hình của các nhóm.

- Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống.

**2. Về năng lực:**

**a/ Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân khi tìm hiểu về đa dạng động vật và vai trò của các nhóm động vật;

- Giao tiếp và hợp tác: Tập hợp nhóm theo đúng yêu cầu, nhanh và đảm bảo trật tự; xác định nội dung hợp tác nhóm trao đổi về đặc điểm của các nhóm động vật và vai trò của chúng; Thảo luận với các thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập nhằm xác định sự đa dạng của các nhóm động vật tồn tại trong tự nhiên; nhận ra và điều chỉnh những hạn chế của bản thân khi tham gia thảo luận nhóm;

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng để vẽ sơ đồ phân biệt các nhóm động vật trong tự nhiên; Giải thích được vai trò của động vật trong tự nhiên và trong đời sống.

**b/ Năng lực khoa học tự nhiên:**

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống; lấy được ví dụ minh họa cho 2 nhóm này; nhận biết được các nhóm động vật không xương sống và các nhóm động vật có xương sống trong tự nhiên; gọi được tên một số đại diện điển hình của mỗi nhóm;

- Tìm hiểu tự nhiên: Quan sát và nhận dạng được các đại diện thuộc các nhóm động vật không xương sống và các đại diện thuộc nhóm động vật có xương sống; Nêu được tác hại của một số động vật trong đời sống;

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Gọi được tên một số sinh vật điển hình của các nhóm.

**3. Phẩm chất:**

- Có niềm tin yêu khoa học;

- Quan tâm đến nhiệm vụ của nhóm;

- Có ý thức hoàn thành tốt các nội dung thảo luận trong bài học;

- Luôn cố gắng vươn lên trong học tập;

- Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, bảo vệ môi trường, bảo vệ các loài động vật quý hiếm, phản đối những hành vi xấm hại thiên nhiên.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Về phía giáo viên:**

- Tranh ảnh về các loài động vật thuộc nhóm động vật không xương sống và có xương sống, Video, Máy tính, máy chiếu

**2. Về phía học sinh:**

- Phiếu thảo luận nhóm:

Lớp ………. Nhóm ………..

**PHIẾU THẢO LUẬN NHÓM SỐ 01**

**Câu hỏi 1:** Quan sát H 31.1 và chỉ ra điểm khác biệt giữa động vật không xương sống và động vật có xương sống?

**Trả lời:**

**Câu hỏi 2:** Phân loại các loài động vật trong hoạt động thành hai nhóm động vật có xương sống và không xương sống?

**Trả lời:**

+ Động vật có xương sống:

+ Động vật không có xương sống:

**Nhóm ……… Lớp ……..**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02**

Hoàn thành bảng sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nhóm ĐV** | **Đại diện** | **Đặc điểm cấu tạo** | **Môi trường sống** |
| 1 | **Ruột khoang** |  |  |  |
| 2 | **Giun** |  |  |  |
| 3 | **Thân mềm** |  |  |  |
| 4 | **Chân khớp** |  |  |  |

**Nhóm ……… Lớp ……..**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 03**

Hoàn thành bảng sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nhóm ĐV** | **Đại diện** | **Đặc điểm cấu tạo** | **Môi trường sống** |
| 1 | **Cá** |  |  |  |
| 2 | **Lưỡng cư** |  |  |  |
| 3 | **Bò sát** |  |  |  |
| 4 | **Chim** |  |  |  |
| 5 | **Thú** |  |  |  |

**III. Tiến trình dạy học:**

**1. Hoạt động 1: Xác định được sự đa dạng phong phú của giới động vật**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được sự đa dạng, các nhóm động vật của giới động vật trong tự nhiên.

**b. Nội dung:** HS quan sát hình ảnh các loài ĐV khác nhau, trả lời câu hỏi:

+ Có nhận xét gì về giới động vật?

.+ Chúng ta phân chia động vật thành động vật thành những nhóm nào?

+ Muốn gọi tên các loài động vật cần dựa trên những tiêu chí nào?

**c. Sản phẩm:** HS nêu được:

+ Động vật chia thành 2 nhóm: Động vật không có xương sống và động vật có xương sống

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| - GV chiếu tranh ảnh về các loài động vật thuộc nhóm động vật không xương sống và có xương sống  + Có nhận xét gì về giới động vật?  .+ Chúng ta phân chia động vật thành những nhóm nào?  + Muốn gọi tên các loài động vật cần dựa trên những tiêu chí nào?  - Vậy để kiểm chứng lại câu trả lời của các bạn. chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài. | - HS quan sát hình  + Giới động vật đa dạng, phong phú về loài, môi trường sống, tập tính …  + Động vật không xương sống và động vật có xương sống  + HS trả lời dựa vào hiểu biết của bản thân |

**2. Hoạt động 3: Hình thành kiến thức mới.**

**2.1. Đa dạng động vật:**

**2.1.1 Phân biệt động vật không xương sống và động vật có xương sống.**

**a. Mục tiêu:** Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và động vật có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa.

**b. Nội dung:** Hs quan sát H 31.1 a,b nhận biết và phân biệt động vật không xương sống và động vật có xương sống.

**c. Sản phẩm:** Phiếu thảo luận nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| - GV chiều hình ảnh 31.1  - GV chia lớp thành các nhóm. Yêu cầu các nhóm thảo luận, trả lời câu hỏi vào phiếu thảo luận.  + Quan sát H 31.1 và chỉ ra điểm khác biệt giữa động vật không xương sống và động vật có xương sống  + Phân loại các loài động vật trong hoạt động thành hai nhóm động vật có xương sống và không xương sống  - Yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét bổ sung  - GV chốt lại đáp án | - HS quan sát hình thu thập thông tin  - Các nhóm Hs phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm, cùng trả lời câu hỏi:  + Động vật không xương sống chưa có cột sống để nâng đỡ cơ thể. Động vật có xương sống đã có cột sống để nâng đỡ cơ thể.  + Động vật có xương sống: ………………  + Động vật không có xương sống: ………  …………………………………………….  - Đại diện nhóm trình bày, nhận xét, bổ sung  - HS rút ra kết luận |

**2.1.2. Tìm hiểu các nhóm động vật có xương sống trong tự nhiên.**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống trong tự nhiên: Ruột khoang, Giun, Thân mềm, Chân Khớp. Gọi được tên một số đại diện điển hình.

**b. Nội dung:** GV giới thiệu tranh hình 31.2a đến d. Qua quan sát, HS nhận biết và phân biệt được các nhóm động vật không xương sống.

**c. Sản phẩm:** Phiếu thảo luận nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| - Yêu cầu HS nghiên cứu thông tin SGk  + Kể tên các nhóm ĐV không xương sống?  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm theo kĩ thuật các mảnh nghép  + Vòng 1: Nhóm chuyên gia  Nhóm 1: tìm hiểu về Ruột khoang  . Kể tên các đại diện  . Đặc điểm cấu tạo  . Môi trường sống  Nhóm 2: tìm hiểu về Giun  . Kể tên các đại diện của nhóm giun, có thể phân biệt các đại diện này bởi đặc điểm đặc trưng nào?  . Đặc điểm cấu tạo  . Môi trường sống  Nhóm 3: tìm hiểu về Thân mềm  . Kể tên các đại diện của nhóm thân mềm, những đại diện nào được sử dụng làm thực phẩm?  . Đặc điểm cấu tạo  . Môi trường sống  Nhóm 4: tìm hiểu về Chân khớp  . Kể tên các đại diện  . Đặc điểm cấu tạo  . Môi trường sống  + Vòng 2: Nhóm các mảnh ghép  - Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung  - GV chốt lại  + Nhận xét về sự đa dạng của các nhóm động vật không xương sống | - HS nghiên cứu thông tin SGK  + Ruột khoang, Giun, Thân mềm, Chân khớp  - HS thảo luận nhóm theo kĩ thuật mảnh ghép  + Vòng 1: hoàn thành phiếu thảo luận số 02  + Vòng 2: hoàn thành phiếu thảo luận số 03  - Đại diện nhóm trình bày, nhận xét, bổ sung  - HS rút ra kết luận  + Nhóm động vật không xương sống rất đa dạng:  . Số lượng loài lớn (chiếm khoảng 80 – 90% số loài ĐV)  . Số lượng cá thể trong loài lớn  . Môi trường sống đa dạng |

**2.1.3 Tìm hiểu các nhóm động vật có xương sống trong tự nhiên**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống trong tự nhiên: Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú (động vật có vú). Gọi được tên một số đâị diện điển hình của các nhóm.

**b. Nội dung:** GV giới thiệu tranh các nhóm động vật có xương sống, Hs quan sát tranh, thảo luận nhóm nhận biết và phân biệt được các nhóm động vật có xương sống.

**c. Sản phẩm:** Bài thuyết trình của các nhóm, tranh ảnh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| - Yêu cầu HS nghiên cứu thông tin SGK  + Kể tên các nhóm động vật có xương sống?  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm theo kĩ thuật các mảnh nghép  \* Vòng 1: Nhóm chuyên gia  + Nhóm 1: tìm hiểu về cá:  . Kể tên các đại điện của cá.  . Môi trường sống  . Đặc điểm để cá thích nghi với môi trường sống  + Nhóm 2: tìm hiểu về lưỡng cư:  . Kể tên các đại điện của lưỡng cư.  . Môi trường sống  . Đặc điểm để lưỡng cư thích nghi với môi trường sống  + Nhóm 3: tìm hiểu về bò sát:  . Kể tên các đại điện của bò sát.  . Môi trường sống  . Đặc điểm để bò sát thích nghi với môi trường sống  + Nhóm 4: tìm hiểu về chim:  . Kể tên các đại điện của chim.  . Môi trường sống  . Đặc điểm để chim thích nghi với môi trường sống  . Nhóm chim có những hình thức di chuyển nào?  + Nhóm 5: tìm hiểu về thú:  . Kể tên các đại điện của thú.  . Môi trường sống  . Đặc điểm để thú thích nghi với môi trường sống.  . Lấy ví dụ về một số thú đẻ con và nuôi con bằng sữa mẹ.  - Vòng 2: Nhóm mảnh nghép: hoàn thành phiếu học tập số 3  - Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung  - GV chốt lại  + Dựa vào đặc điểm nào để phân biệt các nhóm động vật có xương sống?  + Chứng minh sự đa dạng của nhóm động vật có xương sống?  + Hãy kể tên các loài động vật tham gia vào “bản giao hưởng” đêm hè trên những cánh đồng làng quê nước ta.  - GV hướng dẫn HS tham khảo thêm biểu đồ về tỉ lệ số lượng các nhóm trong giới Động vật. | - Hs nghiên cứu SGK  + Nhóm cá,nhóm lưỡng cư, nhóm bò sát, nhóm chim và nhóm thú  - HS thảo luận nhóm theo kĩ thuật mảnh nghép  \* Vòng 1: nhóm chuyên gia  . Cá chép, cá đuối, cá trắm, cá mè, cá rô…  . Môi trường nước  . Hô hấp bằng mang, cơ thể hình thoi, thon 2 đầu, di chuyển bằng vây  . Ếch, chẫu chàng, cóc nhà ..  . Vừa ở nước, vừa ở cạn  . Da trần ẩm ướt, chân có màng bơi, có đuôi hoặc không đuôi, một số thiếu chân …  . Rắn, thằn lằng bóng, tắc kè, kì nhông …  . Nơi khô ráo, trên cạn  . Da khô, có vảy sừng bao bọc.  . Chim bồ câu, gà, vịt, diều hâu …  . Nước, đất, cạn, không khí  . Mình có lông vũ bao phủ, chi trước biến đổi thành cánh, có mỏ sừng  .bay, đi, chạy, bơi  . Thỏ, chó, mèo, heo, khỉ …  . Đất, nước, cạn, không khí  . Có lông mao bao phủ, răng phân hóa thành răng cửa, răng nanh, răng hàm. Phần lớn đẻ con và nuôi con bằng sữa.  . Thỏ, chó, mèo …  + Thực hiện nhóm mảnh ghép  - Báo cáo kết quả thảo luận, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn  - HS rút ra kết luận  + Cơ quan hô hấp (mang, phổi); môi trường sống (ở nước, ở cạn); cách di chuyển (bơi, bò, bay, chạy, đi). Lớp áo bảo vệ cơ thể (da, vảy sừng, lông vũ, lông mao)…  + Nhóm động vật có xương sống rất đa dạng: số lượng loài lớn (chiếm 10 – 20% số loài động vật); Số lượng cá thể trong loài lớn; môi trường sống đa dạng ….  + dế, ếch, cóc, muỗi, chim ..  - HS tham khảo thông tin năm được tỉ lệ số lượng các nhóm trong giới động vật |

**2.2 Tác hại của động vật trong đời sống.**

**Tìm hiểu một số tác hại của động vật trong đời sống**

**a. Mục tiêu:** Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống.

**b. Nội dung:** GV giới thiệu H 31.4 và các tranh ảnh. GV tổ chức cho HS thảo luận về tác hại của động vật trong đời sống con người dựa trên những nhiệm vụ trong SGK.

**c. Sản phẩm:** bài thuyết trình của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| - GV chiếu H 31.4 SGK  - GV tổ chức cho HS thảo luận về tác hại của động vật trong đời sống con người dựa trên những nhiệm vụ trong SGK:  + Quan sát hình 31.4, nêu một số tác hại của động vật trong đời sống con người.  + Quan sát hình 31.4, em hãy nêu con đường lây nhiễm bệnh dịch hạch ở người  - GV cung cấp thêm thông tin: Bệnh dịch hạch là bệnh có khả năng lây lan nhanh và nguy hiểm do tỉ lệ tử vong cao, từ 30-60%. Bệnh có thể xảy ra ở mọi lứa tuổi, cả nam và nữ, nhưng chủ yếu ở người dưới 20 tuổi; dễ xảy ra tại nơi đông đúc, chật chội, nơi có điều kiện vệ sinh kém (chuột dễ sinh sống) hoặc vùng có nền đất cát (bọ chét sinh sống); thường xảy ra vào mùa khô, phù hợp với mùa phát triển của vật trung gian truyền bệnh là chuột và bọ chét. Các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh dịch hạch có thể bao gồm: đột ngột sốt và ớn lạnh, đau đầu, mệt mỏi hoặc khó chịu.  - Yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung  -GV chốt lại  + Địa phương em đã sử dụng những biện pháp nào để phòng trừ động vật gây hại?  - GV Chiếu hình ảnh, hướng dẫn HS đọc thêm trong SGK để thấy được ngoài những tác hại, động vật có vai trò quan trọng trong tự nhiên và thực tiễn: là thức ăn cho nhiều loài động vật, cung cấp nguồn thực phẩm giàu protein, hỗ trợ sức kéo, làm cảnh, hỗ trợ công tác an ninh,….  + Để bảo vệ các loài động vật trong tự nhiên cần làm gì?  - GV ciếu một số hình ảnh biện pháp bảo vệ ĐV. | - HS quan sát hình, thu thập kiến thức  - HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi  - Các động vật và tác hại:  + Một số động vật gây bệnh cho con người: bọ chét, giun, sán kí sinh;  + Một số động vật là trung gian truyền bệnh: bọ chét là trung gian truyền bệnh dịch hạch, muỗi anophen là trung gian truyền bệnh sốt rét,...  + Một số động vật ảnh hưởng đến công trình giao thông biển như: con hà, con sum; phá hoại đê điều như: mối, mọt,...  + Một số động vật chuyên phá hoại mùa màng: ốc bươu vàng, chuột, cào cào, sâu hại,...  + Một số động vật chuyên kí sính trên vật nuôi làm ảnh hưởng đến chất lượng và năng suất đàn nuôi như: sán lá gan, rận cá,...  + Con đường lây nhiễm bệnh dịch hạch ở người: Chuột bị bệnh -> Bọ chét -> Người. Một số động vật là trung gian truyền bệnh: bọ chét, chuột, rận,...  - Đại diện nhóm trình bày, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn  - Hs rút ra kết luận  + Tuyên truyền về diệt muỗi và bọ gậy; Vệ sinh môi trường định kì; vệ sinh cá nhân hàng ngày; tiêm phòng (đặc biệt cho trẻ em và người già); Chọn các loại giống kháng sâu bệnh; Gieo trồng đúng thời vụ để tránh sâu bệnh; Sử dụng bẫy và hàng rào chắn côn trùng; khuyến khích nuôi động vật ăn mồi, sử dụng thiên địch. Đây được xem là phương pháp an toàn nhất để kiểm soát dịch hại.  - HS tự nghiên cứu thông tin SGK T146  + Nghiêm cấm săn bắt, bảo vệ môi trường sống của ĐV, nhân giống chăn nuôi các loài ĐV, xây dựng khu bảo tồn … |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** học sinh sử dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi trong SGK

**b. Nội dung:** Gvcho HS hoạt động cặp đôi, cùng suy nghĩ để tìm ra câu trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** |
| - Yêu cầu HS thảo luận theo cặp thảo luận và hoàn thành bài tập 1 đến bài tập 4 SGK.  - GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết  - Chọn 1 cặp đôi lên bảng trình bày kết quả cho từng bài tập (Mỗi cặp đôi trình bày 1 bài).  - Mời nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến bổ sung. | - HS thảo luận theo cặp, hoàn thành bài tập.  - Làm bài tập  - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét  - HS lắng nghe, sửa bài nếu sai |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** học sinh vận dụng kiến thức đã học tìm hiểu thực tế

**b. Nội dung:** Giao nhiệm vụ cho nhóm, hoạt động hợp tác ở nhà để hoàn thành bài tập vận dụng

**c. Sản phẩm:** bài thuyết trình của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** |
| - GVyêu cầu HS: Đóng vai là nhà khoa học, em hãy điều tra về một số động vật có tẩm quan trọng đối với nền kinh tế địa phương theo hướng dẫn. (Thực hiện trước tại nhà)  - Chọn 1 số sản phẩm báo cáo tại lớp  - Yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung  - Yêu cầu HS nộp sản phẩm cho GV. | - Nhận nhiệm vụ. Thực hiện nhiệm vụ ở nhà.  - Hs được chọn báo cáo trước lớp  - HS nhận xét, bổ sung  - HS nộp sản phẩm |